

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TML21B1** Năm học: **21-22**  
Mã môn học/ Mô đun: **MD06127** Học kỳ: **02**  
Tên môn học/ Mô đun: **Lạnh cơ bản**  
Số tín chỉ: **6**

| STT | MSHS       | Họ tên               | Ngày sinh  | Hệ số 1 |   |   |   | Hệ số 2 |     |     |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|----------------------|------------|---------|---|---|---|---------|-----|-----|--|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTML0046 | Trần Văn Cua         | 26/03/2005 |         | 6 | 6 | 7 | 5.5     | 5.5 | 7.5 |  | 6.5   |       | 6.4        |
| 2   | 21BTML0051 | Cái Thế Anh Hào      | 27/11/2006 |         | 7 | 7 | 8 | 6.5     | 7   | 7.5 |  | 6.0   |       | 6.4        |
| 3   | 21BTML0052 | Quách Gia Hào        | 01/04/2006 |         | 7 | 7 | 8 | 6.5     | 7   | 6.5 |  | 7.5   |       | 7.3        |
| 4   | 21BTML0055 | Lâm Nhựt Huy         | 06/04/2006 |         | 7 | 8 | 8 | 7       | 7.5 | 7   |  | 8.5   |       | 8.0        |
| 5   | 21BTML0056 | Trương Hoảng Khinh   | 16/06/2006 |         | 7 | 6 | 7 | 6.5     | 6.5 | 7   |  | 6.0   |       | 6.3        |
| 6   | 21BTML0058 | Nguyễn Đăng Khôi     | 22/08/2006 |         | 0 | 0 | 0 | 0       | 0   | 0   |  | 0.0   | 0.0   | 0.0        |
| 7   | 21BTML0059 | Nguyễn Văn Đình Khôi | 27/06/2005 |         | 7 | 8 | 7 | 6.5     | 7.5 | 8   |  | 7.5   |       | 7.4        |
| 8   | 21BTML0062 | Phan Tuấn Kiệt       | 27/11/2006 |         | 6 | 6 | 7 | 6       | 6   | 7.5 |  | 6.5   |       | 6.5        |

Châu Đốc, ngày 8 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thành Lâm